

Phụ lục Chi tiết

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (BAO GỒM KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 VẄ TRƯỚC ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2025)
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI (MỚI) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI (CŨ)

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương
(Kèm theo Công văn số 642/UBND-KT ngày 30/09/2025 của UBND xã Ba Đình)

TT	Dự án/Tiểu dự án/nội dung thành phần	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) đã được cấp thẩm quyền giao tại Quyết định 83/QĐ-UBND ngày 17/9/2025												Kế hoạch đầu tư công trung hạn	Ghi chú	Đề xuất điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)												Kế hoạch đầu tư công	Ghi chú		
		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)						Đầu mối giao kế hoạch		Ghi chú	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)				Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú					
		Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025					Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025														
Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:				Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:									
	NSTW	NSDP bao gồm:			NSTW	NSDP bao gồm:			NSTW	NSDP bao gồm:			NSTW	NSDP bao gồm:			NSTW	NSDP bao gồm:			NSTW	NSDP bao gồm:									
		NST	NSH		NST	NST	NSH		NSTW	NST	NSH		NSTW	NST	NSH		NSTW	NST	NSH		NSTW	NST	NSH								
	TỔNG CỘNG	11.981,067	10.249,874	1.086,193	645,000	2.663	2.409	254	0	5.134,00	4.501,05	632,95	0,000	0			11.981,067	10.249,874	1.086,193	645,000	2.879	2.409	254	329	5.208,146	4.567,194	632,950	8,002	0		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	1.615,067	1.231,874	188,193	195,000	0	0	0	0	183,072	156,000	27,072	0,000				1.615,067	1.231,874	188,193	195,000	0	0	0	0	257,220	222,146	27,072	8,002			
1	Xã Ba Đình	1.300	959	160	181					11,07		11,07					1.300	958,874	160,193	181					77,220	66,146	11,072	0,002			
2	Xã Ba Giang	315	273	28	14					172	156	16		UBND Xã Ba Đình			315	273	28	14					180	156	16	8			UBND Xã Ba Đình
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	10.366	9.018	898	450	2.663	2.409	254	0	4.950,93	4.345,05	605,88	0	0	0		10.366	9.018	898	450	2.879	2.409	254	329	4.950,93	4.345,048	605,878	0	0	0	0
1	Nhà văn hóa thôn Ba Nhà	1.495	1.300	130	65	431	389	42		918,34	830,338	88,00					1.495	1.300	130	65	431	389	42	65	918,34	830,338	88,00				
2	Núi tiếp BTXM Nước Lô - Gò Khôn	1.103	959	96	48	151	128	23		543,03	470,03	73,00					1.103	959	96	48	151	128	23	48	543,03	470,03	73,00				
3	Núi tiếp BTXM tuyến UBND xã đi Gò Lút	1.172	1.019	102	51	1.121	1.019	102		0,00							1.172	1.019	102	51	1.121	1.019	102		0,00						
4	Nâng cấp và BTXM đường GTNT tuyến từ tổ 1 Nước Lang (Đông Xa) - tổ 3 Kách Lang	2.477	2.156	214	107	0				1.676,80	1.462,798	214,00					2.477	2.156	214	107	107			107	1.676,80	1.462,798	214,00				
5	Núi tiếp BTXM đường GTNT tuyến từ Tổ 3 - Tổ 4 Kách Lang	2.529	2.201	219	109	0				1.800,88	1.581,882	219,00					2.529	2.201	219	109	109			109	1.800,88	1.581,882	219,00				UBND Xã Ba Đình
6	Kiến cổ hóa kênh Ma Mang 1, 2 thôn Láng Măng	586	510	50	26					11,878		11,878					586	510	50	26					11,878		11,878				
7	Núi tiếp BTXM đường GTNT tuyến Quốc lộ 24 (km35+850) - Tổ 2 Nước Lang (Đông Xa)	624	543	54	27	597	543	54		0,00							624	543	54	27	597	543	54		0,00						
8	Núi tiếp BTXM từ nhà ông Phạm Văn Oa đến xóm ông Phạm Văn Tin thôn Kách Lang	380	330	33	17	363	330	33		0,00							380	330	33	17	363	330	33		0,00						